

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hoá
đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng
quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BKHCN ngày 13/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1681/TTr-SKHCN ngày 02/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ gồm: 47 thủ tục (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.Tr.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục
Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc
phạm vi, chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học công nghệ (25 TTHC)			
1	2.000079.000.00.00.H52	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	- Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2	2.002144.000.00.00.H52	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	- Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3	2.002248.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ <i>(trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và</i>	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ.

		<i>Công nghệ)</i>		
4	2.002249.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ <i>(trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.
5	2.002544.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao <i>(trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
6	2.002544.000.00.00.H52	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao <i>(trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
7	2.002548.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao <i>(trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)</i>	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
8	1.012353.000.00.00.H52	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài	Quyết định số QĐ số 499/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	- Văn bản đề nghị xác định công nghệ. - Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực.

		nguyên (<i>trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>)		
9	3.000259.000.00.00.H52	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 06/4/2024	Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ.
10	1.011820.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (<i>cấp tỉnh</i>)	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
11	1.004467.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước.
12	1.011818.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

13	2.002278.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
14	2.001525.000.00.00.H52	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
15	1.011812.000.00.00.H52	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	- Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1. - Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (<i>Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh</i>) theo mẫu BM I.2.
16	1.011814.000.00.00.H52	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1.
17	1.011815.000.00.00.H52	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1.
18	1.011816.000.00.00.H52	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1.

19	2.001179.000.00.00.H52	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Văn bản đề nghị xác nhận.
20	1.001786.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
21	1.001770.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ.
22	1.001747.000.00.00.H52	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
23	1.001716.000.00.00.H52	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.
24	1.001693.000.00.00.H52	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động.
25	1.001677.000.00.00.H52	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy	Quyết định số	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy

		chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	chứng nhận hoạt động.
II	An toàn bức xạ và hạt nhân (07 TTHC)			
26	2.002385.000.00.00.H52	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.
27	2.002383.000.00.00.H52	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	- Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ. - Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ.
28	2.002384.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
29	2.002382.000.00.00.H52	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
30	2.002381.000.00.00.H52	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ. - Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ <i>(nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất)</i> .
31	2.002380.000.00.00.H52	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành	Quyết định số	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công

		công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	việc bức xạ; - Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn. - Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế.
32	2.002379.000.00.00.H52	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (<i>đối với người phụ trách an toàn cơ sở X- quang chẩn đoán trong y tế</i>)	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ.
III Sở hữu trí tuệ (03 TTHC)				
33	1.011937.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (<i>Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP</i>).
34	1.011938.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (<i>Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP</i>).
35	1.011939.000.00.00.H52	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.
IV Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (12 TTHC)				
36	2.000212.000.00.00.H52	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
37	1.000449.000.00.00.H52	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

38	2.002253.000.00.00.H52	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá.
39	2.001209.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Bản công bố hợp chuẩn.
40	2.001207.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Bản công bố hợp chuẩn.
41	2.001208.000.00.00.H52	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp.
42	2.001100.000.00.00.H52	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định.
43	2.001501.000.00.00.H52	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định.
44	2.001269.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

45	2.001259.000.00.00.H52	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có).
46	1.001392.000.00.00.H52	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.
47	2.001277.000.00.00.H52	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	Bản công bố hợp quy.